|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC NINH**  Số: /BC-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Ninh, ngày tháng m năm 2020* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ MẶT BẰNG SẢN XUẤT CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 396/QĐ-UBND NGÀY 26/8/2020 CỦA UBND TỈNH BẮC NINH BAN HÀNH ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN**

**TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2020-2025.**

**I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đạt hiệu quả như tăng cường công tác cải cách hành chính, liên kết sản xuất, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, phụ nữ khởi nghiệp, đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện và môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển, góp phần ngày một cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh nhưng Công táchỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh chưa được triển khai thực hiện cho các doanh nghiệp.

Do nhu cầu thực tế các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, trong khi đó quỹ đất trong khu, cụm công nghiệp đang dư thừa.Việc phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới là nhiệm vụ cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiện nay tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 với những mục tiêu, định hướng, giải pháp về cơ chế chính sách, theo đó cơ chế chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ ngân sách tỉnh được quy định các mức hỗ trợ như sau:

- DNNVV thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% toàn bộ giá thuê mặt bằng(bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/dự án *(Đối với dự án đầu tư mở rộng diện tích: Chỉ hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng đối với phần diện tích mở rộng).*

Trường hợp đặc thù DNNVV có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng có số nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 50 tỷ đồng/năm ít nhất trong 3 năm đầu, ngoài nội dung đã được hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ thêm với tổng kinh phí hỗ trợ là 100% toàn bộ giá thuê mặt bằng trong 3 năm nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI được hỗ trợ 70% toàn bộ giá thuê mặt bằng(bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.

- Doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, nơi đông dân cư tự nguyện di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp được:

+Hỗ trợ chi phí di dời hợp lý, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

+Hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp theo mức hỗ trợ theo mục 1 Quy định này.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Quy định cụ thể mức hỗ trợ theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/8/2020, phù hợp với các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định khác của pháp luật có liên quan; quy định rõ đối tượng; điều kiện và thủ tục được nhận hỗ trợ.

**II. Đánh giá tác động của chính sách**

**1. Xác định vấn đề bấp cập:**

**\* Đối với KCN:**

Bắc Ninh hiện có 16 KCN tập trung được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1511/TTg-KTN ngày 20/8/2014 và văn bản số 2007/TTg-KTN ngày 06/11/2015 với tổng diện tích 6.397,68ha, trong đó: có 10 KCN đi vào hoạt động và 02 KCN đã được thành lập với diện tích đất quy hoạch 12 KCN 4.552,91ha, diện tích đất công nghiệp cho thuê là 3.181,94ha, đã cho thuê 1.960,27ha đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất quy hoạch đạt 61,61%.

Để phù hợp với việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh định hướng trở thành phố trực thuộc Trung ương đến năm 2022 và Luật quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019; Theo đó, UBND tỉnh Bắc Ninh đã tích hợp quy hoạch 16 KCN vào quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh và thực hiện chuyển tiếp các quy hoạch KCN đã phê duyệt theo Điều 59, Luật Quy hoạch 21/2017/QH14, cụ thể gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện, phát triển 12 KCN gồm: Quế Võ, Quế Võ II, Quế Võ III, VSIP- Bắc Ninh, Hanaka, Thuận Thành II, Tiên Sơn, Gia Bình, Gia Bình II, Đại Đồng - Hoàn Sơn, Yên Phong, Yên Phong II;

- Điều chỉnh quy hoạch phát triển 03 KCN (Nam Sơn - Hạp Lĩnh, Thuận Thành III, An Việt - Quế Võ 6, Thuận Thành I) vào quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm diện tích KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh từ 432ha xuống thành 300 ha (phần diện tích 132 ha giảm này sẽ được bổ sung vào diện tích quy hoạch phát triển KCN Thuận Thành III);

+ Điều chỉnh tăng diện tích quy hoạch phát triển KCN Thuận Thành III thêm 132 ha nhập từ phần diện tích 132 ha giảm của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh;

+ Điều chỉnh vị trí quy hoạch, thực hiện KCN An Việt - Quế Võ 6 từ vị trí cũ thuộc địa phận các xã Nhân Hòa, Phương Liễu sang vị trí mới tiếp giáp với KCN Quế Võ III và Quốc Lộ 17 thuộc địa phận các xã Quế Tân, Phù Lương, huyện Quế Võ.

**Về hoạt động doanh nghiệp trong KCN: Hiện tại, trong 12 KCN có khoảng hơn 489 dự án hoạt động với tổng kinh phí hơn 53.847,80 tỷ đồng.**

**\* Đối với Cụm công nghiệp:**

Theo quy hoạch vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1369/QĐ-CP, trên địa bàn tỉnh Quy hoạch phát triển 33 cụm công nghiệp với tổng diện tích 900 ha. Đến nay, trong tổng số 33 CCN có 22 CCN đã đầu tư và đi vào hoạt động, 5 CCN đang tiến hành thủ tục thành lập và chuẩn bị đầu tư.

- Việc đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động của các cụm công nghiệp:

+ Các cụm công nghiệp do UBND cấp xã làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ( thành lập BQL dự án) gồm có 06 CCN với tổng diện tích 64,9ha (trong đó: CCN Phong Khê: 12,7 ha (Phường Phong Khê, Tp. Bắc Ninh); CCN Đình Bảng I: 9,65 ha (Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn), Phần mở rộng khoảng 9 ha (do công ty Cổ phần Quang Minh Land làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp); CCN Tương Giang 8,3 ha (Xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn); CCN Mả Ông: 5,5 ha (Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn); CCN Châu Khê: 13,5 ha (Phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn); CCN Đại Bái: 6,25 ha (Xã Đại Bái, huyện Gia Bình).

Các cụm công nghiệp đều đã lấp đầy 100% đất công nghiệp (trừ CCN Tương Giang 8,3 ha (thị xã Từ Sơn), hiện đã lấp đầy 19.05 % so với quy hoạch).

**+** Các cụm công nghiệp do cấp huyện quản lý gồm 7 CCN với tổng diện tích 331,62 ha (trong đó: CNN Hạp Lĩnh 72.05 ha; CCN Dốc Sặt 9.25 ha (thị xã Từ Sơn); CCN Thanh Khương 11,39 ha; CCN Xuân Lâm 68.87 ha , CCN Hà Mãn- Trí Quả 87,93 ha (huyện Thuận Thành); CCN Phú Lâm 26.74 ha (huyện Tiên Du), CCN Lâm Bình 55,39 ha (huyện Lương Tài)).

Các cụm công nghiệp cơ bản đã lấp đầy đạt 90,95% đất công nghiệp.

+ Các CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư gồm có 09 CCN (trong đó: CCN Phong Khê mở rộng 27 ha (thành phố Bắc Ninh); CCN Hương Mạc 27,88 ha ( thị xã Từ Sơn); CCN Tam Sơn 13,49 ha (thị xã Từ Sơn); CCN Châu Khê mở rộng 9,59 ha (thị xã Từ Sơn); CCN Châu Phong 50 ha (huyện Quế Võ); CCN Đông Thọ 75 ha (huyện Yên Phong); CCN Yên Trung 23,05 ha (huyện Yên Phong); CCN Mẫn Xá-Văn Môn 26,54 ha (huyện Yên Phong); CCN làng nghề và dịch vụ Khúc Xuyên, diện tích 10.6 ha (Thành phố Bắc Ninh).

Các cụm công nghiệp do doanh nghiệp đầu tư hiện có 04 cụm công nghiệp đi vào hoạt động và thu hút doanh nghiệp thứ cấp vào sản xuất kinh doanh (CCN Châu Khê mở rộng; CCN Phong Khê mở rộng; CCN Tam Sơn; CCN Đông Thọ).

Như vậy, Số doanh nghiệp đăng ký đầu tư sản xuất kinh doanh vào các KCN, CCN đến tháng 8 năm 2019 là hơn 1.000 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương và giải quyết việc làm cũng như giải quyết được một phần ô nhiễm môi trường tại các làng nghề và khu dân cư. Tuy nhiên, tỷ lệ đất công nghiệp trong các KCN, CCN chưa được lấp đầy 100% đối với các Khu, Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Hiện tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ngoài các Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhiều chưa đạt được so với nhu cầu và mục tiêu đã đề ra.

Nguyên nhân:

Hiện nay, do cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong các Khu, Cụm công nghiệp không được duy tu, bảo dưỡng nên hạ tầng giao thông xuống cấp. Một số các Khu, Cụm công nghiệp đã được đầu tư khu xử lý nước thải tập trung tuy nhiên không hoạt động. Theo định hướng tầm nhìn đến năm 2050, các Khu, Cụm công nghiệp ngày càng được bổ sung, mở rộng mà cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để thu hút đạt hiệu quả. Do vậy, việc thu hút các doanh nghiệp tập trung vào các khu, cụm gặp khó khăn.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

- Các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Huy động các DNNVV triển khai thực hiện các dự án sản xuất hoạt động tập trung trong các Khu, cụm công nghiệp, dịch chuyển các dự án hoạt động trong các lĩnh vực truyền thống vào các khu, cụm công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao tính ổn định và an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

**3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

Ban hành chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh để cụ thể hóa các đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, thủ tục nhận hỗ trợ cho các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án sản xuất hoạt động tập trung trong các Khu, cụm công nghiệp, dịch chuyển các dự án hoạt động trong các lĩnh vực truyền thống vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh với nội dung cụ thể sau:

- Hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện như sau:

+ DNNVV thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% toàn bộ giá thuê mặt bằng(bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/dự án *(Đối với dự án đầu tư mở rộng diện tích: Chỉ hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng đối với phần diện tích mở rộng).*

Trường hợp đặc thù DNNVV có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng có số nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 50 tỷ đồng/năm ít nhất trong 3 năm đầu, ngoài nội dung đã được hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ thêm với tổng kinh phí hỗ trợ là 100% toàn bộ giá thuê mặt bằng trong 3 năm nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI được hỗ trợ 70% toàn bộ giá thuê mặt bằng (bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.

+ Doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, nơi đông dân cư tự nguyện di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp được:

\* Hỗ trợ chi phí di dời hợp lý, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

\* Hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp theo mức hỗ trợ theo mục 1 Quy định này.

**4. Đánh giá tác động của giải pháp với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**4.1 Giải pháp 1:** Giữ nguyên hiện trạng (không hỗ trợ)

**4.2 Giải pháp 2:** Cụ thể hóa nội dung hỗ trợ theoĐiều 11 Luật Hỗ trợ DNNVV.

**4.2.1. Nội dung giải pháp:**

**a) Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện như sau:

+ DNNVV thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% toàn bộ giá thuê mặt bằng(bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/dự án *(Đối với dự án đầu tư mở rộng diện tích: Chỉ hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng đối với phần diện tích mở rộng).*

Trường hợp đặc thù DNNVV có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng có số nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 50 tỷ đồng/năm ít nhất trong 3 năm đầu, ngoài nội dung đã được hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ thêm với tổng kinh phí hỗ trợ là 100% toàn bộ giá thuê mặt bằng trong 3 năm nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI được hỗ trợ 70% toàn bộ giá thuê mặt bằng (bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất)trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.

+ Doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, nơi đông dân cư tự nguyện di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp được:

\* Hỗ trợ chi phí di dời hợp lý, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

\* Hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp theo mức hỗ trợ theo mục 1 Quy định này.

**b) Đối tượng hỗ trợ:**

Các dự án sản xuất hoạt động tập trung trong các Khu, cụm công nghiệp, dịch chuyển các dự án hoạt động trong các lĩnh vực truyền thống vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025.

**c)Nguyên tắc áp dụng**

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Quy định này.

- Trong trường hợp cùng thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

- Đối tượng được hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện hỗ trợ và trình tự thủ tục theo đúng Quy định này.

- Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ phải được công khai trên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ngành liên quan.

- Các công trình, dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo tuân thủ quy chế về quản lý Khu, cụm công nghiệp và các văn bản quy định hiện hành.

**d) Điều kiện hỗ trợ**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ mặt bằng sản xuất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, cụ thể như sau:

- Là doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập trên địa bàn tỉnh (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước).

- DNNVV đã hoàn thành thủ tục ký Hợp đồng thuê lại mặt bằng với đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất đúng theo quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ.

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy.

- Thời điểm hỗ trợ: Khi nhà đầu tư hoàn thành dự án và dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết.

**e) Phương thức hỗ trợ:**

**(e1) Lập kế hoạch hỗ trợ**

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ Sở Kế hoạch và Đầu tư (gồm 02 bộ gốc và 01 bộ photo)trước ngày 30 tháng 9 năm trước năm kế hoạch.)

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các nội dung đăng ký hỗ trợ, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ kèm theo hồ sơ của từng dự án.Trên cơ sở tổng nguồn vốn đầu tư năm kế hoạch dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ cùng phương án phân bổ cho từng dự án báo cáo UBND tỉnh vào tháng 11, trình HĐND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

**(e2) Giải ngân vốn hỗ trợ**

Căn cứ quyết định hỗ trợ đã được HĐND tỉnh phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan (nếu cần thiết) thẩm định gửi Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ.

**(e3) Phương thức thanh toán**

- Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cấp kinh phí cho tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ bằng hình thức lệnh chi tiền.

- Quyết toán vốn hỗ trợ hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Kinh phí Hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư công theo Kế hoạch trung hạn

**g) Kinh phí dự trù cho các nội dung hỗ trợ:**

Dự kiến Thực hiện hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho các DNNVV thuê đất hoặc di chuyển vào các KCN, CCN có nhà đầu tư hạ tầng dự kiến:

- Số lượng dự án: khoảng 175 dự án.

- Kinh phí hỗ trợ: khoảng 180 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

**4.2.2 Đánh giá tác động:** Từ 2020 - 2025.

**a) Tác động về kinh tế:**

***a1) Đối với nhà nước:***

***-*** Tích cực: Thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy dòng vốn đầu tư vào xây dựng và vận hành các dự án trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, từ đó cải thiện được giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao tính ổn định và an toàn trong sản xuất, kinh doanh, qua đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế, ổn định tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển, góp phần ngày một cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

- Tiêu cực: Sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ làm tăng chi ngân sách. Cụ thể, dự kiến hỗ trợ đối với 175 dự án, hỗ trợ cho 175 Nhà đầu tư thì ngân sách tỉnh phải chi trả khoảng 180 tỷ đồng.

***a2) Đối với Nhà đầu tư:***

***-*** Tích cực: Được hưởng lợi từ sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước, giảm chi phí đầu tư xây dựng, giảm giá thành sản phẩm.

- Tiêu cực: không có.

***a3) Đối với khách hàng mua sản phẩm:***

- Tích cực: Được hưởng lợi do giá bán giảm.

- Tiêu cực: Không có.

**b) Tác động về xã hội:**

Nhà đâu tư sản xuất kinh doanh ổn định, ổn định doanh thu, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động để yên tâm sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Từ đó tác động tích cực đến toàn xã hội để góp phần ổn định an ninh chính trị.

Việc hỗ trợ còn giúp hạ giá thành sản phẩm, qua đó giúp Nhà đầu tư tiêu thụ được nhiều sản phẩm hơn.

**c) Tác động thủ tục hành chính**: Để thống nhất các điều kiện, thủ tục để được nhận hỗ trợ; giúp quá trình thực hiện Nghị quyết được minh bạch, công khai, Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; đơn vị chủ trì đã thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính thông qua việc nghiên cứu xem xét về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục hành chính cũng như tính chi phí mà cá nhân tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính. Thông qua đó xây dựng phương án giải pháp tối ưu ban hành các thủ tục hành chính để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện để được hưởng hỗ trợ mặt bằng sản xuất.

- Trên cơ sở đánh giá tác động thủ tục hành chính; đề nghị thủ tục hành chính gồm:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ (kèm theo bản cam kết của Nhà đầu tư về việc hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập không trung thực) *(theo mẫu tại Phụ lục I)*.

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(có chứng thực)*.

+ Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa *(theo mẫu tại Phụ lục II)*.

+ Bản sao hợp đồng thuê lại mặt bằng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh *(có chứng thực)*.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án (có xác nhận dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động của Nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp).

+ Bản sao các giấy tờ chứng minh việc chấp hành các quy định về đầu tư, xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao các văn bản pháp lý khác có liên quan.

**d) Tác động đối với hệ thống pháp luật**: Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua phân tích, kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là giải pháp tối ưu nhất để thực hiện. Do có hỗ trợ thì mới có thể thúc đẩy việc triển khai thu hút các nhà đầu tư tập trung vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu lấp đầy mặt bằng sản xuất trong Khu, cụm công nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sáchhỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sáchhỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025.

**III. Lấy ý kiến:**

Bộ phận soạn thảo sẽ hoàn chỉnh phần này sau khi nhận được sự đóng góp của các đối tượng chịu tác động của chính sách và các cấp, các ngành.

**IV. Giám sát và đánh giá:**

UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện chính sách; đồng thời phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách và báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sáchhỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025

Trân trọng báo cáo./.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***Nơi nhận:* TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  ....   |  |  | | --- | --- | | **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC NINH**  **DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |   **QUY ĐỊNH**  **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ MẶT BẰNG SẢN XUẤT CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH**  *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …)*  **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quy định này quy định về hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025.  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh.  **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**  1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Quy định này.  2. Trong trường hợp cùng thời điểm, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.  3. Đối tượng được hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện hỗ trợ và trình tự thủ tục theo đúng Quy định này.  4. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ phải được công khai trên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ngành liên quan.  5. Các công trình, dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo tuân thủ quy chế về quản lý Khu, cụm công nghiệp và các văn bản quy định hiện hành.  **Chương II**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**  **Điều 4. Nội dung hỗ trợ:**  1.DNNVV thực hiện dự án đầu tư mới hoặc dự án đầu tư mở rộng diện tích, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% toàn bộ giá thuê mặt bằng (bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất) trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng/dự án *(Đối với dự án đầu tư mở rộng diện tích: Chỉ hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng đối với phần diện tích mở rộng).*  Trường hợp đặc thù DNNVV có dự án đầu tư mới hoặc mở rộng có số nộp ngân sách nhà nước tối thiểu 50 tỷ đồng/năm ít nhất trong 3 năm đầu, ngoài nội dung đã được hỗ trợ nêu trên còn được hỗ trợ thêm với tổng kinh phí hỗ trợ là 100% toàn bộ giá thuê mặt bằng trong 3 năm nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.  Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho Tổ hợp Samsung, doanh nghiệp FDI được hỗ trợ 70% toàn bộ giá thuê mặt bằng (bao gồm chi phí thuê cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất) trong 3 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.  2. Doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, nơi đông dân cư tự nguyện di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp được:  - Hỗ trợ chi phí di dời hợp lý, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.  - Hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp theo mức hỗ trợ tại mục 1 Điều 4 Quy định này.  **Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**  Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ mặt bằng sản xuất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện, cụ thể như sau:  - Là doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập trên địa bàn tỉnh (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước).  - DNNVV đã hoàn thành thủ tục ký Hợp đồng thuê lại mặt bằng với đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất đúng theo quy định của pháp luật.  - Thời điểm hỗ trợ: Khi nhà đầu tư hoàn thành dự án và dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết.  - Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ.  **Điều 6.Hình thức hỗ trợ:**  Việc hỗ trợ giá thuê lại mặt bằng cho DNNVV được thực hiện thông qua việc bù giá cho đơn vị kinh doanh hạ tầng để giảm giá cho thuê lại mặt bằng sau khi có quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.  **Điều 7. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**  - Văn bản đề nghị hỗ trợ (kèm theo bản cam kết của Nhà đầu tư về việc hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập không trung thực) *(theo mẫu tại Phụ lục I)*.  - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *(có chứng thực)*.  - Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa *(theo mẫu tại Phụ lục II)*.  - Bản sao hợp đồng thuê lại mặt bằng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh *(có chứng thực)*.  - Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án (có xác nhận dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động của Nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp).  - Bản sao các giấy tờ chứng minh việc chấp hành các quy định về đầu tư, xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường;  + Bản sao các văn bản pháp lý khác có liên quan;  **Điều 8. Quy trình thủ tục hỗ trợ:**  - Doanh nghiệp nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Trung tâm hành chính công tỉnh; bộ phận đầu mối của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm hành chính công có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hoặc trả hồ sơ đề nghị hỗ trợ.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan hoặc tổ chức họp lấy ý kiến thẩm định hồ sơ trực tiếp tại hội nghị và kiểm tra, khảo sát thực tế *(nếu cần thiết)*.  + Trường hợp nội dung trong hồ sơ chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản để doanh nghiệp chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến thẩm định hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời về nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; trường hợp cần phải kiểm tra, khảo sát, xác minh thực tế thì được phép kéo dài thêm thời gian trả lời nhưng cũng không được quá 10 ngày làm việc. Quá thời hạn quy định mà cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã đồng ý và người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung liên quan đến hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao. Sở Kế hoạch và Đầu tư được phép thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia thẩm định của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo thẩm định *(có dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo)* trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp.  + Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, hoàn thiện cho phù hợp, đảm bảo yêu cầu theo quy định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản để doanh nghiệp chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do hồ sơ của doanh nghiệp không đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ.  - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ cho doanh nghiệp hoặc ban hành văn bản chỉ đạo khác.  - Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ cho doanh nghiệp, Sở Tài chính thực hiện thủ tục cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.  **Chương III**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**  **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**  1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này. Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.  2. Chỉ đạo các Sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định và theo Quy định này.  3. Trong quá trình thực hiện chính sách nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản.  4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của pháp luật.  **Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh:**  **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**  a) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.  b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các Sở chuyên ngành thẩm đinh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch vốn hỗ trợ mặt bằng sản xuất đảm theo đúng quy định hiện hành;  c) Chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt hỗ trợ cho doanh nghiệp;  d) Chủ trì tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, năm theo quy định;  c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ theo đúng quy định.  **3. Sở Tài chính**  a) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định;  b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn hàng năm để hỗ trợ các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này;  c) Phối hợp với Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh xây dựng, thẩm định giá thuê mặt bằng tại các Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;  d) Chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành liên quan thực hiện thủ tục cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật;  e) Hướng dẫn quy trình, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp.  **4. Sở Công thương**  a) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định;  b) Chủ trì phối hợp với các sở chuyên ngành liên quan xây dựng, thẩm định giá thuê mặt bằng tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định;  c) Phối hợp cùng Sở Tài chính cân đối nguồn vốn hàng năm để hỗ trợ các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này.  **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**  a) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định;  b) Phối hợp với các sở chuyên ngành có liên quan xây dựng, thẩm định giá thuê mặt bằng tại các Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định;  **6. Ban quản lý các khu công nghiệp**  a) Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định;  b) Chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành có liên quan xây dựng, thẩm định giá thuê mặt bằng tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định;  **7. Các Sở, ngành khác có liên quan**  Các Sở ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung tại Quy định này.  **8. UBND các huyện, thị xã, thành phố**  Công bố các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi của Chính phủ và của tỉnh Bắc Ninh để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư tại các Khu, Cụm công nghiệp trên phạm vi địa bàn;  **9. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**  Phối hợp với các Sở chuyên ngành liên quan triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ theo Quy định này;  Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ theo đúng quy định.  **Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa**  - Cung cấp thông tin, tài liệu về hỗ trợ đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp.  - Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước: tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.  **Điều 12. Xử lý vi phạm**  Dự án đầu tư được hỗ trợ theo Quy định này phải đảm bảo tiến độ xây dựng theo hợp đồng hoặc Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, sau 12 tháng nhà đầu tư không triển khai hoặc thực hiện dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định, thì nhà đầu tư phải hoàn trả kinh phí đã hỗ trợ cho ngân sách;  Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng các điều khoản hỗ trợ theo quy định này thì phải hoàn trả kinh phí đã hỗ trợ cho ngân sách.  **Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Quy định**  Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ngành thuộc tỉnh, các tổ chức, cá nhân và các nhà đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.   |  |  | | --- | --- | |  | **CHỦ TỊCH** |   **PHỤ LỤC I**   |  |  | | --- | --- | | **TÊN DOANH NGHIỆP… -------**  Số: ………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *….…., ngày … tháng …năm…….. năm …* |   **VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**   |  |  | | --- | --- | | Kính gửi: | - Ủy ban nhân dân tỉnh; - Sở Kế hoạch và Đầu tư. |   I. Thông tin doanh nghiệp  Tên doanh nghiệp *(Viết chữ in hoa)*: .................................................................  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ........................................................  cấp lần đầu ngày .......................... , cấp thay đổi lần thứ … ngày ......................  Nơi cấp: ..............................................................................................................  Điện thoại: ............................. Fax: ...........................  Email: .............................  Số tài khoản: ........................................ , tại Ngân hàng: .....................................  II. Thông tin dự án đầu tư:  1. Tên Dự án: ......................................................................................................  2. Địa điểm thực hiện Dự án: ...............................................................................  3. Mục tiêu của dự án: .........................................................................................  4. Quy mô của dự án: ..........................................................................................  5. Tổng vốn đầu tư của Dự án: ............................................................................  6. Diện tích đất dự kiến sử dụng: ........................................................................  8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến: ...................................................................  III. Nội dung đề nghị hỗ trợ:  1. Căn cứ hỗ trợ……………………………………………………………..  2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ………………………………………..  3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:…………………………………  4. Báo cáo tóm tắt về nội dung đề nghị hỗ trợ ……………………………….  *..............................................................................................................................*  *..............................................................................................................................*  5. *Tài liệu kèm theo:*  *..............................................................................................................................*  *..............................................................................................................................* Doanh nghiệp cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, cam kết của chủ đầu tư về việc hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu hồ sơ đề nghị hỗ trợ được lập không trung thực.     |  |  | | --- | --- | |  | *Bắc Ninh, ngày … tháng … năm 20....* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* |       **PHỤ LỤC II**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  **TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ,**  **DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA**  **1. Thông tin chung về doanh nghiệp:**  Tên doanh nghiệp: ...........................................................................................  Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: ......................................................................  Loại hình doanh nghiệp: ....................................................................................  Địa chỉ trụ sở chính: ...........................................................................................  Quận/huyện: .................................  tỉnh/thành phố: .........................................  Điện thoại: .............................  Fax: .........................  Email: ...........................  **2. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:**  Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính: ..............................................................  Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm: ....................................  Tổng nguồn vốn: ..............................................................................................  Tổng doanh thu năm trước liền kề: ..................................................................  **3. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):**  □ Doanh nghiệp siêu nhỏ  □ Doanh nghiệp nhỏ  □ Doanh nghiệp vừa  Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.   |  |  | | --- | --- | |  | *……., ngày … tháng … năm 20....* **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)* | |